

68. GIÁO DỤC KỸ NĂNG ĐẶC THÙ CHO TRẺ KHIẾM THỊ
(EDUCATION SPECIAL SKILLS FOR CHILDREN
WITH VISUAL IMPAIRMENT)

(Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục đặc biệt. Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày ... về việc ban hành Chương trình Giáo dục đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Giáo dục kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị

1.2. Mã học phần: SPEC 453

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết/ học trước/ song song: Đại cương giáo dục đặc biệt

1.5. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục trẻ khiếm thị và giáo dục trẻ khuyết tật học tập

1.6. Giảng viên giảng dạy

STT	Họ và tên	Bộ môn	Email
1	Nguyễn Thị Thắm	Bộ môn Giáo dục trẻ khiếm thị và trẻ khuyết tật học tập	nttham@hnue.edu.vn
2	Đỗ Thị Thanh Thủy	Bộ môn Giáo dục trẻ khiếm thị và trẻ khuyết tật học tập	thanhthuyhung@yahoo.com
3	Nguyễn Hà My	Bộ môn Giáo dục trẻ khiếm thị và trẻ khuyết tật học tập	nhamy@hnue.edu.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. Nguyễn Công Khanh, Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, NXB ĐHSP Hà Nội. (2016)

2.1.2. Nguyễn Đức Minh, Giáo dục trẻ khiếm thị Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2010.

2.1.3. Namita Jacob & Sandy Nieman, Giúp đỡ trẻ em mù, NXBGD Việt Nam. 2010.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Rona.L & Dian L & Jassica S, Early Focus: Working with young Blind and Visually Impaired Children and their Families, 1998.

2.2.2. Deborah Chen & Linda.S, Cẩm nang can thiệp sớm, Hướng dẫn phát triển cho trẻ khiếm thị sơ sinh, NXB ĐHSP TPHCM, (2013).

2.2.3. Sharon Anderson, Susan Boigon, Kristine Davis, Cheri deWaard, (Tài liệu dịch bởi Hoàng Thị Nga, Hồ Thị Mỹ Lệ *Hướng dẫn từng kỹ năng Vận động tinh – vận động thô - Ngôn ngữ - Tự phục vụ - Chơi và sự phát triển*, Dự án Oregon – Dành cho trẻ mù và khiếm thị lứa tuổi nhà trẻ - mẫu giáo (tái bản lần thứ 6), Trường PTĐB Nguyễn Đình Chiểu, TP Hồ Chí Minh. (2009).

2.2.4. Barbara Miles & Marianne Riggo, *Những cuộc hội thoại phi thường: Hướng dẫn phát triển giao tiếp có ý nghĩa cho trẻ em mù điếc* NXB Dân Trí. 2013

2.2.5. Hà Thanh Vân dịch, *Total Life learning: Preparing for transition* – Nhà xuất bản Dân trí (2016)

2.2.6. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Thông tư 15 về Quy định Chuẩn chữ nổi Braille cho người khuyết tật*, 2021.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Linds.S & Robert.J, *The Deverlopment of Social Skills by Blind and Visually Impaired Students*, AFB Press, 1997

2.3.2. Sharon Anderson, Susan Boigon, Kristine Davis, Cheri deWaard, Tài liệu dịch, *Bảng kiểm tra kỹ năng* - Dự án Oregon – Dành cho trẻ mù và khiếm thị lứa tuổi nhà trẻ - mẫu giáo, 2006.

2.4. Website

2.4.1. <https://www.perkins.com/>

2.4.2. <http://www.brailleur.com/braillehx.htm>

2.4.3. <http://homepages.cwi.nl/~dik/english/codes/braille.html>

2.4.4. <http://www.duxburysystems.com/braille.asp>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT1: Hiểu biết, phân tích và so sánh được mức độ phát triển các kỹ năng đặc thù của trẻ khiếm thị và những đặc điểm, vấn đề đánh giá và xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp để phát triển các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị ở các độ tuổi khác nhau.

MT2: Có quan điểm đúng về sự phát triển các kỹ năng đặc thù của trẻ khiếm thị và vận dụng trong thực tiễn xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động phát triển các kỹ năng

đặc thù phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ khiếm thị. Sáng tạo trong việc lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức để phát triển các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Yêu thương trẻ, có niềm tin vào khả năng và sự phát triển của trẻ khiếm thị; Yêu nghề và tận tâm với nghề dạy học cho trẻ khiếm thị; Trung thực, trách nhiệm trong quá trình giáo dục các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị ở các độ tuổi khác nhau; Ý thức tự học và tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Mô tả (describe), giải thích (explain), bàn luận (discuss), phân tích được những đặc điểm đặc trưng về các kỹ năng đặc thù của trẻ khiếm thị như (kỹ năng đọc viết chữ Braille, định hướng và di chuyển, tự phục vụ, giao tiếp xã hội, đánh giá và thực hiện các hoạt động giáo dục nhằm phát triển các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị.

CDR 3: Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức hoạt động đa dạng để phát triển các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị; Xây dựng được kế hoạch giáo dục cá nhân, điều chỉnh môi trường phù hợp phát triển các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị; Tổ chức có hiệu quả các tiết học cá nhân, tiết học nhóm để phát triển các kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị

CDR 4: Sáng tạo, đánh giá (evaluate), đối chiếu (constrat), liên hệ (relate) được khả năng và nhu cầu của trẻ khiếm thị ở từng kỹ năng, lĩnh vực phát triển, biết vận dụng một số phương pháp, cách tiếp cận trong giáo dục cho trẻ khiếm thị để làm cơ sở cho việc tổ chức thành công các hoạt động phát triển kỹ năng đặc thù cho trẻ khiếm thị.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR CTĐT

CDR CTĐT	CDR học phần			
	1	2	3	4
CDR1	x		x	
CDR2	x		x	
CDR3	x		x	
CDR4	x		x	
CDR5	x	x		x
CDR6	x			
CDR7		x	x	
CDR8		x	x	
CDR9		x	x	
CDR10		x	x	
CDR11			x	
CDR12		x		
CDR13			x	x
CDR14			x	x
CDR15			x	x
CDR16		x	x	
CDR17			x	x
CDR18			x	x
CDR19			x	x
CDR20		x	x	
CDR21		x	x	
CDR22		x		x
CDR23		x		x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR học phần

	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4
MT1	x	x	x	x
MT2	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian			
			Số tiết			Tự học có hướng dẫn
			Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	
Chương 1: Phát triển						

kỹ năng đọc viết chữ Braille cho trẻ khiếm thị	1-5	1.0	9	3	3	30
Chương 2: Phát triển kỹ năng định hướng và di chuyển cho trẻ khiếm thị	6- 10	1.0	9	3	3	30
Chương 3: Phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ khiếm thị	11-13	0.6	5	2	2	20
Chương 4: Phát triển kỹ năng giao tiếp xã hội cho trẻ khiếm thị	14-15	0.4	3	1	2	10
Tổng cộng (tiết)		3.0	26	9	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Chương 1: Phát triển kỹ năng đọc viết chữ Braille cho trẻ khiếm thị								
Mục/ bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)
			L T	B T	T H			
1.1	Những vấn đề chung về chữ nổi Braille 1.1.1. Lịch sử hình thành chữ Braille 1.1.2. Một số loại chữ nổi Braille trên thế giới	6	4	1	1	- Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp; trả lời nhanh - Động não - Thảo luận nhóm trên lớp - Trò chơi - Bài tập thực	- Tự nghiên cứu tài liệu - Thảo luận - Làm việc nhóm ở nhà - Dự án học tập (tìm hiểu về sự hình thành và phát triển các loại	Đọc tài liệu 2.1.2 2.2.1 2.2.2. 2.2.3 2.3.1. 2.3.2 Các trang web

	1.1.3. Giới thiệu hệ thống chữ nổi Braille Tiếng Việt					hành	hình chữ nổi, so sánh chữ nổi VN với hệ thống chữ nổi trên thế giới	
1.2	Phát triển kỹ năng đọc viết chữ nổi Braille 1.2.1. Kỹ năng tiên đọc, tiên viết chữ Braille 1.2.2. Quy tắc đọc và quy tắc viết chữ Braille tiếng Việt 1.2.3. Những nguyên tắc khi đọc viết chữ Braille	6	3	1	2	- Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Trả lời nhanh - Thảo luận nhóm trên lớp - Xem video và tranh luận - Thực hành	- Tự nghiên cứu tài liệu - Thảo luận nhóm trên lớp - Trả lời vấn đáp - Xem Video và đánh giá - Làm bài tập - Thực hành đọc, viết chữ nổi, soạn giáo án và tổ chức tiết dạy	Đọc tài liệu 2.1.2 2.2.1 2.2.2. 2.2.3 2.3.1. 2.3.2 Các trang web Quy định theo thông tư 15
1.3	Công nghệ trong chữ nổi Braille cho trẻ khiếm thị	3	2	1	0	- Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Thảo luận nhóm - Xem video	- Tự nghiên cứu tài liệu - Thảo luận - Trả lời vấn đáp Dự án học tập: Tìm hiểu về các công nghệ trong chữ nổi Braille trên thế giới và Việt Nam	Đọc tài liệu 2.1.2 2.2.1 2.2.2. 2.2.3 2.3.1. 2.3.2 Các trang web
Chương 2: Phát triển kỹ năng định hướng và di chuyển cho trẻ khiếm thị								
Mục/bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)
			L	B	T			

			T	T	H			
2.1	<p>Những vấn đề chung về định hướng và di chuyển</p> <p>2.1.1. Khái niệm định hướng và di chuyển</p> <p>2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển kỹ năng ĐHDC cho trẻ khiếm thị</p> <p>2.1.3. Đặc điểm kỹ năng định hướng di chuyển của trẻ khiếm thị</p>	3	2	0	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Trả lời nhanh: động não Xem video minh họa - Thảo luận nhóm - Trò chơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm ở nhà và thảo luận nhóm trên lớp - Trả lời vấn đáp - Phản biện - Xem video và tranh luận - Trò chơi 	<p>Đọc tài liệu</p> <p>2.1.1, 2.1.2.;</p> <p>2.2.1 2.2.2 2.2.3. 2.3.1</p>
2.2	<p>Phát triển những kỹ năng quan trọng trong định hướng và di chuyển cho trẻ khiếm thị</p> <p>2.2.1. Phát triển giác quan trong định hướng di chuyển</p> <p>2.2.2. Phát triển vận động</p> <p>2.2.3. Nhận biết và khám phá môi trường</p> <p>2.2.4. Phát triển khái niệm liên quan đến định</p>	6	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Trình chiếu video minh họa - Thảo luận nhóm - Luyện tập, thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm trên lớp - Trả lời vấn đáp - Phản biện - Xem Video và thực hành - Thảo luận nhóm ở nhà, thuyết trình - Thể hiện quan điểm và hành động cá nhân 	<p>Đọc tài liệu</p> <p>2.1.2. 2.2.1 2.2.2. 2.2.3. 2.3.1. 2.3.3.</p>

	hướng di chuyển							
2.3	<p>Một số kỹ thuật định hướng và di chuyển cho trẻ khiếm thị</p> <p>2.3.1. Kỹ thuật định hướng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định điểm mốc - Xác định điểm đầu mối <p>2.3.2. Kỹ thuật di chuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi với người hướng dẫn sáng - Sử dụng gậy - Thắt tay an toàn - Dò tường,... 	6	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Thảo luận nhóm trên lớp - Trò chơi - Xem Video, quan sát và đưa ra nhận xét - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Trả lời vấn đáp - Phản biện - Bài tập: Tìm hiểu chương trình dạy kỹ năng ĐHDC ở Việt Nam; những khó khăn của HS khiếm thị khi học ĐHDC - Thực hành: đánh giá, xây dựng giáo án và dạy ĐHDC cho TKT 	<p>Đọc tài liệu</p> <p>2.1.2.</p> <p>2.2.1</p> <p>2.2.2.</p> <p>2.2.3.</p> <p>2.3.1.</p> <p>2.3.3.</p>

Chương 3: Phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ khiếm thị

Mục/bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)
			L T	B T	T H			
3.1	<p>Những vấn đề chung về kỹ năng tự phục vụ cho trẻ khiếm thị</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Phân loại các kỹ năng tự phục vụ</p> <p>3.1.3. Đặc điểm kỹ</p>	2	1	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Thảo luận nhóm - Vấn đáp - Trả lời nhanh, ngắn - Trò chơi - Dự án: Vấn đề giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ khiếm thị ở Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Phản biện - Trò chơi - Vấn đáp - Bài tập: Tìm hiểu về đặc điểm kỹ năng tự phục vụ của trẻ khiếm thị 	<p>Đọc tài liệu</p> <p>2.1.1</p> <p>2.1.2</p> <p>2.2.1</p> <p>2.2.2</p> <p>2.3.2</p> <p>2.3.3.</p> <p>Trang Web</p>

	năng tự phục vụ cho trẻ khiếm thị							
3.2	Mục đích, nội dung, phương pháp, yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ khiếm thị 3.2.1. Mục đích 3.2.2. Nội dung 3.2.3. Phương pháp/ quy trình 3.2.4. Yếu tố ảnh hưởng	7	4	1	2	- Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Thảo luận nhóm - Vấn đáp - Xem video và trao đổi - Thực hành - Trò chơi	- Thảo luận nhóm - Thực hành làm đồ dùng, soạn giáo án và dạy kỹ năng tự phục vụ cho trẻ khiếm thị - vấn đáp - Xem video - Trò chơi	Đọc tài liệu 2.3.1, 2.3.2 2.1.1 2.1.2 2.2.1 2.2.2
Chương 4: Phát triển kỹ năng giao tiếp xã hội cho trẻ khiếm thị								
Mục/ bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)
			L T	B T	T H			
4.1	Những vấn đề chung về kỹ năng giao tiếp xã hội cho TKT 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Phân loại 4.1.3. Đặc điểm kỹ năng giao tiếp của trẻ khiếm thị	1	1	0	0	- Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Thảo luận nhóm - Vấn đáp - Trả lời nhanh, ngắn - Trò chơi	- Thảo luận nhóm - Phản biện - Trò chơi - Vấn đáp - Bài tập tìm hiểu kỹ năng giao tiếp xã hội của 1 trẻ khiếm thị	Đọc tài liệu 2.1.1 2.1.2 2.2.1 2.2.2 2.3.2 2.3.3. Trang Web

4.2.	<p>Quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ khiếm thị</p> <p>4.2.1. Mục đích</p> <p>4.2.2. Đánh giá kỹ năng giao tiếp xã hội cho trẻ khiếm thị</p> <p>4.2.3. Nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp xã hội</p> <p>4.2.4. Phương pháp phát triển kỹ năng giao tiếp XH</p>	5	2	1	2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Thảo luận nhóm - Vấn đáp - Trả lời nhanh, ngắn - Trò chơi - Thực hành, luyện tập đánh giá và lập kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ khiếm thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Phản biện - Trò chơi - Vấn đáp - Thực hành <p>Dự án: tìm hiểu 01 trẻ khiếm thị theo nhóm và đánh giá kỹ năng giao tiếp -> lập kế hoạch can thiệp cho trẻ</p>	<p>Đọc tài liệu</p> <p>2.1.1</p> <p>2.1.2</p> <p>2.2.1</p> <p>2.2.2</p> <p>2.3.2</p> <p>2.3.3.</p> <p>Trang Web</p>
------	---	---	---	---	---	--	--	---

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR2	CDR3	CDR4
Chương	Mục				
1	1.1	3	2	2	1
	1.2	1	3	3	3
	1.3	1	2	2	1
2	2.1	1	3	2	2
	2.2	2	3	3	3
	2.3	1	3	3	2
3	3.1	1	2	2	3
	3.2	3	2	3	2
4	4.1	1	2	3	2
	4.2	2	3	2	3

Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1) và không đóng góp: (0)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỷ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỷ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
<i>Đánh giá chuyên cần</i>	10
<i>Bài tập, tiểu luận</i>	10
Kiểm tra giữa kỳ	20
Kiểm tra cuối kỳ	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp KT, ĐG và tỷ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp KT, ĐG	Tỷ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá thường xuyên	100	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Trả lời nhanh - Thảo luận nhóm - Trò chơi, bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đọc và nghiên cứu tài liệu - Thảo luận nhóm - Trả lời vấn đáp - Phản biện - Thực hành - Dự án
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Thảo luận nhóm - Bài tập - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đọc và nghiên cứu tài liệu - Thảo luận nhóm - Trả lời vấn đáp - bài tập - Trò chơi - Thực hành
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	20		
	Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Thảo luận nhóm - Dự án - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Trả lời vấn đáp - Phản biện - Dự án - Thực hành đánh giá, thiết kế giáo án và dạy tiết học cho trẻ khiếm thị
	Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	40		
	Kiểm tra cuối kỳ (thực hành)	50		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sử dụng máy chiếu - Vấn đáp - Trình chiếu video minh họa - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Trả lời vấn đáp - Phản biện - Thực hành tại lớp và dưới cơ sở - Trò chơi
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kỳ (thực hành)	20		
	Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)	60		

	luận)		- Tổ chức cho SV trải nghiệm	Đóng vai
--	-------	--	---------------------------------	----------

5.3.2. Tiêu chí đánh giá

➤ *Yêu cầu chung đối với các BT*

- Bài tập được viết tay hoặc đánh máy
- Chỉ nhận bài tập đúng hạn
- Làm việc theo nhóm/cá nhân với các bài tập khác nhau: bài tập ngắn/ dài
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó

➤ *Kiểm tra giữa kỳ*

- Hình thức: Thi thực hành theo nhóm
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu
- Đề thi là câu hỏi thực hành
- Tiêu chí đánh giá: Thực hiện đúng các yêu cầu của bài thực hành: sản phẩm đầu ra: kế hoạch giáo dục cá nhân; thuyết trình mô tả; tiết dạy đóng vai

➤ *Thi kết thúc học phần*

- Hình thức: Thi thực hành/vấn đáp
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu
- Đề thi là loại câu hỏi vấn đáp/thực hành liên quan đến nội dung bài học
- Tiêu chí đánh giá: Trả lời rõ ràng sâu sắc, thực hành đúng theo yêu cầu: 10 điểm (5 điểm trả lời, 5 điểm thực hành)

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN

- Theo quy chế đào tạo hiện hành

P. TRƯỞNG KHOA

(Kí, ghi rõ họ tên)



TS. ĐỖ THỊ THẢO